

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐỒNG THÁP**

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề gồm có 02 trang)

**KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP TỈNH
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Môn: ĐỊA LÝ

Ngày thi: 25/3/2018

Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1. (3,0 điểm)

- Trình bày hệ quả tự quay quanh trục của Trái Đất.
- Nêu những thuận lợi và khó khăn do lũ gây ra đối với đời sống và sản xuất ở Đồng bằng sông Cửu Long.
- Tại sao hiện tượng sương chỉ có thể xảy ra vào buổi chiều tối đến sáng sớm?

Câu 2. (4,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

- So sánh những điểm giống và khác nhau về địa hình của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng và châu thổ sông Cửu Long.
- Trình bày hoạt động của gió mùa mùa đông. Tại sao miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có chế độ nhiệt ít bị biến động và không có mùa đông lạnh giá như hai miền phía Bắc?

Câu 3. (3,0 điểm)

Dựa vào bảng số liệu:

Tình hình phát triển dân số Việt Nam giai đoạn 2005 - 2014

Năm	2005	2010	2012	2014
Tổng số dân (nghìn người)	82392,1	86497,4	88809,3	90728,9
Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên (%)	1,33	1,03	0,99	1,03

- Từ bảng số liệu trên hãy rút ra nhận xét.
- Giải thích vì sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta có giảm nhưng qui mô dân số vẫn tiếp tục tăng?
- Nêu tác động tích cực, tiêu cực của dân số đông và nhiều thành phần dân tộc đến sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Cho biết vùng đồng bằng sông Cửu Long có các dân tộc nào sinh sống.

Câu 4. (4,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản phân theo vùng ở nước ta trong giai đoạn 2000 – 2014

(Đơn vị: nghìn tấn)

Vùng	2000	2014
Trung du và miền núi Bắc Bộ	55,1	198,9
Đồng bằng sông Hồng	194,0	679,6
Bắc Trung Bộ	164,9	466,0
Duyên hải Nam Trung Bộ	462,9	932,2
Tây Nguyên	10,3	34,7
Đông Nam Bộ	194,3	417,0
Đồng bằng sông Cửu Long	1169,1	3604,8
Cả nước	2250,6	6333,2

- Vẽ biểu đồ thể hiện qui mô và cơ cấu sản lượng thủy sản phân theo vùng ở nước ta trong giai đoạn 2000 – 2014.
- Nhận xét qui mô và cơ cấu sản lượng thủy sản phân theo vùng ở nước ta trong giai đoạn 2000 – 2014.

Câu 5. (4,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

a) Chứng minh Duyên hải Nam Trung Bộ về mặt tự nhiên có nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế biển.

b) Xác định qui mô và tên các trung tâm công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ. Cho biết tỉnh, thành phố nào của vùng Đông Nam Bộ thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

c) Tại sao nói Tây Nguyên là vùng có nhiều thế mạnh để phát triển du lịch?

Câu 6. (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

a) Giải thích tại sao miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có mùa đông lạnh hơn và ẩm hơn miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

b) Việc đánh bắt hải sản xa bờ của ngư dân nước ta ở ngư trường quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có ý nghĩa như thế nào về an ninh quốc phòng?

--- HẾT ---

(Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam của Nhà xuất bản giáo dục)

Họ và tên thí sinh: _____

Số báo danh: _____

Chữ ký GT1: _____

Chữ ký GT2: _____

I. Hướng dẫn chung

1) Nếu học sinh làm bài không theo cách nêu trong đáp án nhưng đúng, chính xác, chặt chẽ thì cho đủ số điểm của câu đó.

2) Việc chi tiết hóa (nếu có) thang điểm trong hướng dẫn chấm phải bảo đảm không làm sai lệch hướng dẫn chấm và phải được thống nhất thực hiện trong tổ chấm.

II. Đáp án và thang điểm

Câu 1. (3,0 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
a) Trình bày hệ quả tự quay quanh trục của Trái Đất.	1,0
- Ở khắp mọi nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm.	0,25
- Tạo ra giờ địa phương, giờ khu vực.	0,25
- Các vật chuyển động trên bề mặt Trái Đất đều bị lệch hướng.	0,25
- Tạo ra sự điều hòa nhiệt độ cho bầu khí quyển.	0,25
b) Những thuận lợi và khó khăn do lũ gây ra đối với đời sống và sản xuất ở Đồng bằng sông Cửu Long.	1,0
* Thuận lợi:	
- Bồi đắp phù sa, du lịch sinh thái và giao thông trên kênh rạch...	0,25
- Thau chua, rửa mặn đất, mở rộng diện tích...	0,25
* Khó khăn:	
- Gây ngập lụt trên diện rộng, phá hoại nhà cửa, mùa màng.	0,25
- Ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, thiệt hại về người và gia súc...	0,25
c) Hiện tượng sương chỉ có thể xảy ra vào buổi chiều tối đến sáng sớm vì:	1,0
- Chiều xuống nhiệt độ không khí giảm dần, đến lúc nào đó thì không khí sẽ bão hòa hơi nước, nếu nhiệt độ tiếp tục giảm thì hơi nước sẽ ngưng tụ thành hạt sương.	0,5
- Sáng sớm, khi nắng lên nhiệt độ không khí tăng dần, không khí không còn bão hòa hơi nước vì nhiệt độ càng cao, không khí càng chứa được nhiều hơi nước.	0,5

Câu 2. (4,0 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
a) So sánh những điểm giống và khác nhau về địa hình của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng và châu thổ sông Cửu Long	2,0
* Giống nhau:	
- Đều là đồng bằng châu thổ sông có diện tích lớn.	0,25
- Độ cao dưới 50 m hướng ra biển.	0,25
- Bề mặt địa hình tương đối thấp bằng phẳng.	0,25
- Được phù sa của sông bồi đắp.	0,25
<i>(Nếu học sinh diễn đạt ý khác đúng mỗi ý cho 0,25đ nhưng không quá 1,0 điểm của phần này)</i>	
* Khác nhau:	
- Diện tích: Đồng bằng sông Cửu Long rộng hơn đồng bằng sông Hồng.	0,25
- Địa hình:	

+ Đồng bằng sông Hồng có hệ thống đê, có nhiều ô trũng. Đất trong đê không được bồi đắp phù sa, vùng ngoài đê thường xuyên được bồi tụ phù sa.	0,5
+ Đồng bằng sông Cửu Long: bề mặt không có đê nhưng có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, mùa lũ nhiều vùng trũng bị ngập.	0,25
b) Trình bày hoạt động của gió mùa mùa đông. Tại sao miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có chế độ nhiệt ít bị biến động và không có mùa đông lạnh giá như hai miền phía Bắc?	2,0
* Trình bày hoạt động của gió mùa mùa đông	
- Thời gian hoạt động: từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.	0,25
- Hướng gió: đông bắc.	0,25
- Nguồn gốc: áp cao lục địa phương Bắc (áp cao Xibia).	0,25
- Phạm vi hoạt động: từ dãy Bạch Mã trở ra. (Nếu học sinh nói được 16°B ra Bắc, hay miền Bắc, miền khí hậu phía Bắc đều đúng).	0,25
- Tính chất:	
+ Đầu mùa đông: se lạnh, khô hanh.	0,25
+ Cuối mùa đông: lạnh ẩm và có mưa phùn.	0,25
* Giải thích:	
- Do tác động của gió mùa đông bắc đã giảm sút mạnh mẽ.	0,25
- Gió Tín phong đông bắc khô nóng và gió mùa tây nam nóng ẩm đóng vai trò chủ yếu.	0,25

Câu 3. (3,0 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
a) Nhận xét:	0,5
- Tổng số dân của nước ta giai đoạn 2005 -2014: tăng liên tục (<i>dẫn chứng</i>).	0,25
- Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên giai đoạn 2005 -2014: còn biến động và có xu hướng giảm (<i>dẫn chứng</i>).	0,25
b) Giải thích vì sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta có giảm nhưng qui mô dân số vẫn tiếp tục tăng?	0,5
- Do qui mô dân số hiện nay lớn hơn trước đây nhiều.	0,25
- Số người phụ nữ trong độ tuổi sinh vẫn còn chiếm tỉ lệ cao.	0,25
c) Nêu tác động tích cực, tiêu cực của dân số đông và nhiều thành phần dân tộc đến sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Cho biết vùng đồng bằng sông Cửu Long có các dân tộc nào sinh sống?	2,0
* Tác động tích cực:	
- Dân số đông: Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.	0,5
- Nhiều dân tộc: các dân tộc đoàn kết với nhau trong quá trình dựng nước và giữ nước.	0,25
* Tác động tiêu cực:	
- Dân số đông: gây khó khăn cho phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân.	0,5
- Nhiều dân tộc:	
+ Trình độ phát triển kinh tế xã hội của các dân tộc còn có sự chênh lệch.	0,25
+ Mức sống của đồng bào dân tộc ít người còn thấp.	0,25
- Các dân tộc sinh sống ở vùng ĐB sông Cửu Long: đông nhất là người Kinh, người Khmer, người Chăm, người Hoa.	0,25

Câu 4. (4,0 điểm)

NỘI DUNG		ĐIỂM																											
a) Vẽ biểu đồ		3,0																											
<p>* Xử lý số liệu: Cơ cấu sản lượng thủy sản phân theo vùng ở nước ta trong giai đoạn 2000 – 2014 (Đơn vị: %)</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Vùng</th> <th>2000</th> <th>2014</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung du và miền núi Bắc Bộ</td> <td>2,4</td> <td>3,1</td> </tr> <tr> <td>Đồng bằng sông Hồng</td> <td>8,6</td> <td>10,7</td> </tr> <tr> <td>Bắc Trung Bộ</td> <td>7,3</td> <td>7,4</td> </tr> <tr> <td>Duyên hải Nam Trung Bộ</td> <td>20,6</td> <td>14,1</td> </tr> <tr> <td>Tây Nguyên</td> <td>0,5</td> <td>0,5</td> </tr> <tr> <td>Đông Nam Bộ</td> <td>8,6</td> <td>6,6</td> </tr> <tr> <td>Đồng bằng sông Cửu Long</td> <td>52,0</td> <td>57,6</td> </tr> <tr> <td>Cả nước</td> <td>100,0</td> <td>100,0</td> </tr> </tbody> </table>		Vùng	2000	2014	Trung du và miền núi Bắc Bộ	2,4	3,1	Đồng bằng sông Hồng	8,6	10,7	Bắc Trung Bộ	7,3	7,4	Duyên hải Nam Trung Bộ	20,6	14,1	Tây Nguyên	0,5	0,5	Đông Nam Bộ	8,6	6,6	Đồng bằng sông Cửu Long	52,0	57,6	Cả nước	100,0	100,0	0,75
Vùng	2000	2014																											
Trung du và miền núi Bắc Bộ	2,4	3,1																											
Đồng bằng sông Hồng	8,6	10,7																											
Bắc Trung Bộ	7,3	7,4																											
Duyên hải Nam Trung Bộ	20,6	14,1																											
Tây Nguyên	0,5	0,5																											
Đông Nam Bộ	8,6	6,6																											
Đồng bằng sông Cửu Long	52,0	57,6																											
Cả nước	100,0	100,0																											
<p>* Tính bán kính: $R_{2000} = 1$ (đvbk) $R_{2014} = 1,68$ (đvbk)</p>		0,25																											
* Vẽ biểu đồ		2,0																											
<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh vẽ 2 biểu đồ tròn, có bán kính khác nhau. - Học sinh vẽ loại biểu đồ khác không cho điểm. - Đảm bảo đầy đủ các chi tiết biểu đồ: tên, ghi chú, số liệu,... - Thiếu mỗi chi tiết trừ 0,25 điểm (nếu học sinh vẽ 2 hình tròn có bán kính bằng nhau trừ 0,25 điểm) 																													
b) Nhận xét:		1,0																											
<ul style="list-style-type: none"> - Qui mô: Tổng sản lượng thủy sản phân theo vùng của nước ta giai đoạn 2000 - 2014 tăng rất nhanh (<i>dẫn chứng</i>) 		0,25																											
<ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu sản lượng thủy sản phân theo vùng ở nước ta trong giai đoạn 2000 – 2014 có sự thay đổi (<i>dẫn chứng</i>). 		0,5																											
<ul style="list-style-type: none"> - Trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long chiếm tỉ trọng lớn nhất, thứ 2 là vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, thấp nhất là Tây Nguyên (<i>dẫn chứng</i>). 		0,25																											

Câu 5. (4,0 điểm)

NỘI DUNG		ĐIỂM
Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:		
a) Chứng minh Duyên hải Nam Trung Bộ về mặt tự nhiên có nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế biển		2,0
<ul style="list-style-type: none"> - Đường bờ biển khúc khuỷu nhiều vũng vịnh thuận lợi xây dựng cảng nước sâu (Dung Quất, Vân Phong, Cam Ranh,...) 		0,5
<ul style="list-style-type: none"> - Ven biển có nhiều bãi tắm và điểm du lịch nổi tiếng (Mỹ Khê, Nha Trang,...) 		0,5
<ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều ngư trường lớn (Hoàng Sa - Trường Sa; Ninh Thuận - Bình Thuận); nhiều vũng, vịnh đầm phá thuận lợi phát triển cả khai thác và nuôi trồng thủy sản. 		0,5
<ul style="list-style-type: none"> - Một số đảo ven bờ, từ Quảng Nam đến Khánh Hòa có nghề khai thác tổ chim yến. 		0,5
b) Xác định qui mô và tên các trung tâm công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ. Cho biết tỉnh, thành phố nào của vùng Đông Nam Bộ thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?		1,0
<ul style="list-style-type: none"> - Qui mô rất lớn: TP Hồ Chí Minh. 		0,25
<ul style="list-style-type: none"> - Qui mô lớn: Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Vũng Tàu. 		0,25